

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh Phúc**

Bản án số: 21/2024/HS-ST

Ngày: 04-4-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Rmah HThuyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Chín

2. Ông Lưu Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hải-Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2024/TLST-HS ngày 23 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T-Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Nguyễn Văn C; Sinh ngày 01-01-1971, tại tỉnh Tây Ninh; CCCD số: 072071006294; Nơi ĐKKHTT: Khu phố A, Phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; Chỗ ở: Không cố định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 0/12; Nghề nghiệp: Không. Con ông Nguyễn Hữu P (đã chết) và bà Nguyễn Kim N (đã chết); Bị cáo chưa có vợ, con.

Ngày 15-12-1991, phạm tội “*Trộm cắp tài sản công dân*” theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Bộ luật Hình sự. Bị Toà án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai xử phạt 8 tháng tù tại bản án số 04/HSST ngày 10-3-1992. Ngày 16-10-1992, chấp hành xong hình phạt tù. (Chưa được xóa án tích do chưa đóng án phí).

Ngày 11-12-1993, phạm tội “*Trộm cắp tài sản công dân*” theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Bộ luật Hình sự. Bị Toà án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Sông Bé xử phạt 12 tháng tù tại bản án số 03/HSST ngày 31-3-1994, bị Toà án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Sông Bé xử phạt 12 tháng tù. Ngày 11-12-1994, chấp hành xong hình phạt tù (đã được xóa án tích).

Ngày 30-10-1995, phạm tội “*Trộm cắp tài sản công dân*” theo quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 155 Bộ luật Hình sự. Bị Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh xử phạt 4 năm tù tại bản án số 237/STHS ngày 28-5-1996. Chấp hành án tại Trại giam Z (Trại giam T5) đến ngày 30-4-1999, chấp hành xong hình phạt tù (đã được xóa án tích).

Ngày 15-3-2001, phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự. Bị Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xử phạt 34 tháng tù tại bản án số 15/HSST ngày 14-6-2002. Chấp hành án tại trại giam X, tỉnh Đồng Nai đến ngày 16-4-2004, chấp hành xong hình phạt tù (đã được xoá án tích).

Ngày 03-02-2005, phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự. Bị Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xử phạt 03 năm tù tại bản án số 47/HSST ngày 26-5-2005. Chấp hành án tại Trại giam X1, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu đến ngày 03-10-2007, chấp hành xong hình phạt tù (đã được xoá án tích).

Ngày 18-9-2011, phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự. Bị Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông xử phạt 15 tháng tù tại bản án số 03/2012/HSST ngày 21-02-2012. Chấp hành án tại Trại giam Đ, huyện M, tỉnh Đắk Lắk đến ngày 19-12-2012, chấp hành xong hình phạt tù (chưa được xoá án tích).

Ngày 20-9-2014, phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự. Bị Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xử phạt 3 năm tù tại bản án số 57/2014/HSST ngày 16-12-2014. Chấp hành án tại Trại giam Đ1, tỉnh Đắk Nông đến ngày 23-6-2017, chấp hành xong hình phạt tù (chưa được xoá án tích).

Ngày 31-10-2018, phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Bị Tòa án nhân dân huyện Krông Buk, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 3 năm 6 tháng tù tại bản án số 09/2019/HS-ST ngày 26-4-2019. Chấp hành án tại Trại giam Đ2, tỉnh Đắk Lắk đến ngày 25-01-2022 chấp hành xong (Chưa được xoá án tích).

Tiền án: 04 tiền án về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30-7-2023, sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

- *Bị hại:*

1. Ông Huỳnh Ngọc T1, sinh năm: 1987; trú tại: Thôn K, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2. Chị Huỳnh Thị Thanh N1, sinh năm: 1997; trú tại: Thôn T, xã G, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

3. Anh Trần Thanh T2, sinh năm: 1995; trú tại: Thôn A, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

-*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1991; trú tại: Thôn P, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Hữu L, sinh năm: 1991; trú tại: Thôn P, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

-*Người làm chứng:* Ông Nguyễn Quốc T3, sinh năm: 1985; trú tại: số C N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 06 giờ ngày 26-7-2023, anh Huỳnh Ngọc T1 phát hiện bị kẻ gian cạy cửa đột nhập vào nhà trộm cắp các tài sản gồm: Số tiền 7.400.000 đồng; 10 Card điện thoại V mệnh giá 20.000 đồng; 05 Card điện thoại V mệnh giá 50.000 đồng (Trong đó có 03 Card điện thoại V mệnh giá 50.000 đồng có số seri là 10009412924656; 10009412924657; 10009412924658) cất trong túi xách để trong phòng ngủ nên anh Huỳnh Ngọc T1 đã làm đơn trình báo sự việc yêu cầu giải quyết theo quy định.

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã phối hợp với nhà mạng Viettel xác định Nguyễn Văn T là đối tượng đã nạp các Card điện thoại V mệnh giá 50.000 đồng có số seri là 10009412924656; 10009412924657; 10009412924658. Tại Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ, Nguyễn Văn T đã khai nhận hành vi trộm cắp của mình từ ngày 26-7-2023 đến ngày 28-7-2023, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 22-7-2023, Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô biển số 47L4-6795, đi từ thành Phố B, tỉnh Đắk Lắk đến tỉnh Gia Lai với mục đích tìm nhà dân sơ hở để trộm cắp tài sản. Đến rạng sáng ngày 26-7-2023, T đi từ thành phố P, tỉnh Gia Lai theo Q xuống huyện Đ. Khi đến khu vực Nghĩa trang liệt sĩ huyện Đ, T rẽ vào đường nhựa phía bên tay trái hướng đi vào xã K, đi được khoảng 4-5km thì T giấu xe mô tô vào vườn cà phê rồi đi bộ mang theo 01 tô vít, 01 đèn bin, 01 cặp gang tay màu xanh, 01 mũ len màu xanh để đột nhập trộm cắp tài sản. T đi bộ được 01km thì quan sát thấy tiệm tạp hóa của anh Huỳnh Ngọc T1 đã đóng cửa. T dùng 02 tay kéo cửa sắt ra tạo khe hở rồi mở khóa cài bên trong, đột nhập vào trong tiệm tạp hóa lấy trộm 01 túi đeo chéo bằng vải rằn ri, để trên kết sắt trong phòng ngủ rồi tẩu thoát. Khi đi cách tiệm T6 200m, T kiểm tra trong túi xách đã trộm được thì thấy có số tiền 7.400.000 đồng và nhiều card điện thoại V có mệnh giá 50.000 đồng và 20.000 đồng. T lấy tiền và card điện thoại, còn túi đeo chéo rằn ri T vứt lại vườn cà phê rồi ra vị trí giấu xe mô tô điều khiển về lại thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Trên đường đi, T ghé vào tiệm cà phê bên đường để nạp 05 card điện thoại V mệnh giá 50.000 đồng và 10 card điện thoại V mệnh giá 20.000 đồng vào số điện thoại 0964706530 của T.

Theo Kết luận định giá tài sản số 85/KL-HĐĐGTS ngày 03-8-2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ kết luận: 05 card điện thoại di động V, mỗi card mệnh giá 50.000 đồng có trị giá là 250.000 đồng; 10 card điện thoại di động V, mỗi card mệnh giá 20.000 đồng có trị giá là 200.000 đồng; 01 túi xách, túi loại rằn ri, làm bằng vải dù, có quai đeo trị giá 20.000 đồng và số tiền 7.400.000 đồng. Tổng tài sản của anh Huỳnh Ngọc T1 bị trộm cắp là 7.870.000 đồng.

Lần thứ hai: Ngày 27-7-2023, T điều khiển xe mô tô mang biển số 47L4-6795 đi từ thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đến tỉnh Gia Lai để trộm cắp tài sản. Sáng ngày 28-7-2023, T điều khiển xe mô tô từ thành phố P, tỉnh Gia Lai đi theo Quốc lộ A đến gần nghĩa trang liệt sĩ huyện Đ rồi rẽ phải vào đường nhựa đi tiếp khoảng 05km thì T giấu xe mô tô vào vườn cà phê rồi đi bộ mang theo 01 tô vít, 01 đèn bin, 01 cặp gang tay màu xanh, 01 mũ len màu xanh nhằm đột nhập trộm cắp tài sản. T đi bộ khoảng 100m quan sát thấy 01 nhà dân phía bên phải đường thuộc thôn T, xã G, huyện Đ, tỉnh Gia Lai đóng cửa nên T đi vòng ra phía sau nhà tìm cách đột nhập vào trong nhưng bị người trong nhà phát hiện nên T bỏ chạy. Khi

chạy được khoảng 50m đến nhà của chị Huỳnh Thị Thanh N1, thấy đóng cửa nên T đi ra phía sau nhà mở cửa đột nhập vào nhà rồi đi vào phòng ngủ lấy trộm 01 điện thoại nhãn hiệu POCO C40 và 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 11Pro Max.

Theo Kết luận định giá tài sản số 85/KL-HĐĐGTS ngày 03-8-2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ kết luận: 01 điện thoại di động Iphone 11 Promax có trị giá là 8.000.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu POCO C40 (bị nứt màn hình) có trị giá là 2.000.000 đồng. Tổng tài sản của chị Huỳnh Thị Thanh N1 bị trộm cắp là 10.000.000 đồng.

Lần thứ ba: Sau khi trộm cắp tài sản tại nhà chị Huỳnh Thị Thanh N1, T tiếp tục đi bộ khoảng 10m đến nhà của anh Trần Thanh T2 thấy nhà không đóng cửa nên T đi vào phòng ngủ lấy trộm 01 máy tính bảng nhãn hiệu Samsung Galaxy Tab A7 Lite, có bọc da màu đen bên ngoài rồi đi ra vị trí để xe mô tô. Trên đường lấy xe mô tô, T đã tháo bọc da của máy tính bảng vứt ở ven đường gần vườn cà phê rồi điều khiển xe mô tô biển số 47L4-6795 tẩu thoát về hướng tỉnh Đắk Lắk. Trên đường đi, T vào tiệm điện thoại di động Vinh Quang Mobile do anh Nguyễn Văn Q (tại thôn P, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai) làm chủ tiệm để bán điện thoại nhãn hiệu POCO C40 và máy tính bảng S1 cho anh Q với số tiền 2.200.000 đồng (Trong đó: Điện thoại di động POCO C40 là 700.000 đồng; máy tính bảng là 1.500.000 đồng). Sau đó, T tiếp tục điều khiển xe mô tô đến thành phố B vào tiệm điện thoại di động Quốc Tuấn thuộc số C đường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk do anh Nguyễn Quốc T3 làm chủ tiệm để bán điện thoại nhãn hiệu Iphone 11Pro Max cho anh T3 được số tiền 2.000.000 đồng.

Theo Kết luận định giá tài sản số 85/KL-HĐĐGTS ngày 03-8-2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ kết luận: 01 máy tính bảng S1 có trị giá là 2.000.000 đồng.

Như vậy, tổng giá trị tài sản mà bị cáo đã trộm cắp là 19.870.000 đồng.

Về vật chứng và xử lý vật chứng:

-Số tiền 2.600.000 đồng do Nguyễn Văn T giao nộp. Đây là số tiền do Nguyễn Văn T trộm cắp của anh Huỳnh Ngọc T1 chưa tiêu xài hết nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã trả lại cho anh Huỳnh Ngọc T1 theo quy định.

-Đối với 01 máy tính bảng S1 A7 Lite màu ghi xám có ốp bằng nhựa kích thước (22x13,5)cm và 01 điện thoại di động POCO C40 do Nguyễn Văn Q giao nộp. Quá trình điều tra xác định máy tính bảng S1 là của anh Trần Thanh T2 và điện thoại di động POCO C40 là của chị Huỳnh Thị Thanh N1 nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã trả lại cho chủ sở hữu theo quy định.

-Đối với 01 giấy đăng ký xe mô tô nhãn hiệu JAMOTO biển số 47L4-6795 mang tên Lê Văn T4; 01 xe mô tô nhãn hiệu JAMOTO; màu sơn Xanh; số máy: FMH35A1A5494; số khung: H3PD5A0A5494, biển số 47L4-6795; 01 chứng minh nhân dân số 291035166 mang tên Nguyễn Văn T; 01 giấy phép lái xe số 660096810457 mang tên Nguyễn Văn T; 01 sim số điện thoại 0964706530; 01 điện thoại Samsung Galaxy A22 số Imei 1: 358475773093192, số Imei 2: 359111893093197; 01 đèn bin màu đen – vàng, có dây đeo bằng thun màu đen, đường kính đèn 5cm; 02 găng tay bằng thun màu đen, cổ găng tay có màu đỏ, dài 18cm, phần cổ găng tay rộng 6,5cm; 02 găng tay bằng thun màu tím, cổ găng tay có màu đỏ, dài 18cm, phần cổ găng tay rộng 6,5cm; 01 mũ trùm đầu màu xanh, bằng

len, có kích thước (34,5cm x 19,5cm); 01 áo khoác có mũ trùm đầu màu xanh, bên trong có màu nâu; 01 tô vít có cán bằng nhựa màu vàng, có mũi màu trắng là loại mũi nhọn, dài 34,5cm, phần cán dài 13,5cm; 01 dây sạc điện thoại màu trắng dài 1m; 01 dây sạc điện thoại màu đen, một đầu có in dòng chữ Earldom; 01 củ sạc màu trắng, có in dòng chữ R, có kích thước (5cm x 4cm); 01 dây sạc điện thoại màu đen dài 80cm; 01 củ sạc màu đen, có in dòng chữ S, có kích thước (4,5cm x 3,5cm), phần chân sạc có màu trắng – đen; 01 dây thun có màu-vàng-xanh-đỏ đan vào nhau, dài 2m, rộng 2,3cm; 2 đầu dây thun có móc sắt màu trắng; 02 tất bằng vải thun có màu xanh, có kích thước (30cm x 8cm) và 01 balo màu đen, nhãn hiệu Lilan có kích thước (50cm x 40cm) do Nguyễn Văn T giao nộp là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên chuyển đến kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ để giải quyết tại giai đoạn xét xử.

-Đối với chiếc điện thoại di động Iphone 11 Promax sau khi Nguyễn Văn T bán cho anh Nguyễn Quốc T3 thì anh T3 đã bán cho người khác (không rõ nhân thân, lai lịch) nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ không thu giữ được.

-Đối với chiếc túi vải rằn ri của anh Huỳnh Ngọc T1, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được.

- Về dân sự:

+ Anh Trần Thanh T2 đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu gì thêm.

+ Anh Nguyễn Văn Q không yêu cầu bồi thường gì về dân sự.

+ Nguyễn Văn T đã tác động người thân là anh Nguyễn Hữu L- anh trai của T) bồi thường cho chị Huỳnh Thị Thanh N1 số tiền 3.200.000 đồng và bồi thường cho anh Huỳnh Ngọc T1 số tiền 5.720.000 đồng, Chị N1 và anh T1 không yêu cầu bồi thường gì thêm và đã có đơn xin bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

+ Anh Nguyễn Hữu L không yêu cầu T bồi thường lại số tiền trên.

Tại bản cáo trạng số 13/CT-VKS ngày 19-01-2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm b, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình sự: Căn cứ điểm b, g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T với mức án từ 03 (Ba) năm tù đến 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không;

Về dân sự: Không;

Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị:

-Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu JAMOTO; màu sơn Xanh; số máy: FMH35A1A5494; số khung: H3PD5A0A5494, biển số 47L4-6795;

+ 01 giấy đăng ký xe mô tô nhãn hiệu JAMOTO biển số 47L4-6795 mang tên Lê Văn T4;

-Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T: 01 điện thoại Samsung Galaxy A22 số Imei 1: 358475773093192, số Imei 2: 359111893093197; 01 sim số điện thoại 0964706530; 01 chứng minh nhân dân số 291035166 mang tên Nguyễn Văn T; 01 giấy phép lái xe số 660096810457 mang tên Nguyễn Văn T; 01 dây sạc điện thoại màu trắng dài 1m; 01 dây sạc điện thoại màu đen, một đầu có in dòng chữ Earldom; 01 củ sạc màu trắng, có in dòng chữ R, có kích thước (5cm x 4cm); 01 dây sạc điện thoại màu đen dài 80cm; 01 cục sạc màu đen, có in dòng chữ S, có kích thước (4,5cm x 3,5cm), phần chân sạc có màu trắng-đen;

-Tịch thu tiêu hủy: 01 đèn bin màu đen- vàng, có dây đeo bằng thun màu đen, đường kính đèn 5cm; 02 găng tay bằng thun màu đen, cổ găng tay có màu đỏ, dài 18cm, phần cổ găng tay rộng 6,5cm; 02 găng tay bằng thun màu tím, cổ găng tay có màu đỏ, dài 18cm, phần cổ găng tay rộng 6,5cm; 01 mũ trùm đầu màu xanh, bằng len, có kích thước (34,5cm x 19,5cm); 01 áo khoác có mũ trùm đầu màu xanh, bên trong có màu nâu; 01 tô vít có cán bằng nhựa màu vàng, có mũi màu trắng là loại mũi nhọn, dài 34,5cm, phần cán dài 13,5cm; 01 dây thun có màu đen – vàng – xanh - đỏ đan vào nhau, dài 2m, rộng 2,3cm; 2 đầu dây thun có móc sắt màu trắng; 02 tất bằng vải thun có màu xanh, có kích thước (30cm x 8cm) và 01 balo màu đen, nhãn hiệu Lilan có kích thước (50cm x 40cm).

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Bị cáo nhận thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định:

Trong khoảng thời gian từ ngày 26-7-2023 đến ngày 28-7-2023, Nguyễn Văn T đã 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Đ, Gia Lai, cụ thể như sau:

Vào ngày 26-7-2023, Nguyễn Văn T trộm cắp của anh Huỳnh Ngọc T1 thuộc thôn K, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai những tài sản gồm: 01 túi xách, túi loại rằn ri, làm bằng vải dù, có quai đeo bên trong có số tiền 7.400.000 đồng và 15 card điện thoại di động V. Tổng giá trị tài sản là 7.870.000 đồng. Đến ngày 28-7-2023, Nguyễn Văn T trộm cắp 01 điện thoại nhãn hiệu POCO C40 và 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 11Pro Max của chị Huỳnh Thị

Thanh N1 thuộc Thôn T, xã G, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Tổng giá trị tài sản là 10.000.000 đồng và tiếp tục trộm cắp 01 máy tính bảng nhãn hiệu S1 có giá trị tài sản là 2.000.000 đồng của anh Trần Thanh T2 tại làng A, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Tổng tài sản mà Nguyễn Văn T đã trộm cắp có giá trị là 19.870.000 đồng.

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự trị an xã hội. Tài sản mà bị cáo trộm cắp có trị giá là 19.870.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo không có nghề nghiệp và có 04 tiền án cùng về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích lại tiếp tục thực hiện 03 lần trộm cắp tài sản mỗi lần có giá trị tài sản 2.000.000 đồng trở lên. Do vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” với các tình tiết định khung “*phạm tội có tính chất chuyên nghiệp*” và “*tái phạm nguy hiểm*” quy định tại điểm b, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3]. Bị cáo phải bị xử lý nghiêm của pháp luật tương xứng với tính chất mức độ và hậu quả do bị cáo gây ra để cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu có 04 tiền án và đã từng bị xét xử nhiều lần về tội “*Trộm cắp cắp tài sản*”.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo liên tục thực hiện 03 lần trộm cắp tài sản mỗi lần có giá trị tài sản 2.000.000 đồng trở lên nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường khắc phục hậu quả và được bị hại bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử áp dụng giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4]. Về dân sự: Các bị hại không yêu cầu bồi thường khoản nào khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về vật chứng:

-Đối với 01 giấy đăng ký xe mô tô nhãn hiệu JAMOTO biển số 47L4-6795 mang tên Lê Văn T4; 01 xe mô tô nhãn hiệu JAMOTO; màu sơn Xanh; số máy: FMH35A1A5494; số khung: H3PD5A0A5494, biển số 47L4-6795 là công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước;

-Đối với 01 chứng minh nhân dân số 291035166 mang tên Nguyễn Văn T, là giấy tùy thân của bị cáo nên trả lại cho bị cáo;

-Đối với 01 giấy phép lái xe số 660096810457 mang tên Nguyễn Văn T là Giấy tờ cá nhân của bị cáo T nên trả lại cho bị cáo;

-Đối với 01 điện thoại Samsung Galaxy A22 số Imei 1: 358475773093192, số Imei 2: 359111893093197; 01 sim số điện thoại 0964706530; 01 dây sạc điện thoại màu trắng dài 1m; 01 dây sạc điện thoại màu đen, một đầu có in dòng chữ Earldom; 01 củ sạc màu trắng, có in dòng chữ R, có kích thước (5cm x 4cm); 01 dây sạc điện thoại màu đen dài 80cm; 01 cục sạc màu đen, có in dòng chữ S, có kích thước (4,5cm x 3,5cm), phần chân sạc có màu trắng- đen, là tài sản của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo;

-Đối với 01 đèn bin màu đen-vàng, có dây đeo bằng thun màu đen, đường kính đèn 5cm; 02 găng tay bằng thun màu đen, cổ găng tay có màu đỏ, dài 18cm, phần cổ găng tay rộng 6,5cm; 02 găng tay bằng thun màu tím, cổ găng tay có màu đỏ, dài 18cm, phần cổ găng tay rộng 6,5cm; 01 mũ trùm đầu màu xanh, bằng len, có kích thước (34,5cm x 19,5cm); 01 áo khoác có mũ trùm đầu màu xanh, bên trong có màu nâu; 01 tô vít có cán bằng nhựa màu vàng, có mũi màu trắng là loại mũi nhọn, dài 34,5cm, phần cán dài 13,5cm; 01 dây thun có màu đen-vàng- xanh- đỏ đan vào nhau, dài 2m, rộng 2,3cm; 2 đầu dây thun có móc sắt màu trắng; 02 tất bằng vải thun có màu xanh, có kích thước (30cm x 8cm) và 01 balo màu đen, nhãn hiệu Lilan có kích thước (50cm x 40cm) do Nguyễn Văn T giao nộp là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên phải tịch thu tiêu hủy.

-Đối với 01 máy tính bảng S1 A7 Lite màu ghi xám có ốp bằng nhựa kích thước (22x13,5)cm và 01 điện thoại di động POCO C40 do Nguyễn Văn Q giao nộp, là của anh Trần Thanh T2 và điện thoại di động POCO C40 là của chị Huỳnh Thị Thanh N1, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã trả lại cho chủ sở hữu theo quy định. Do vậy, Hội đồng xét xử không đề cập.

-Đối với số tiền 2.600.000 đồng do Nguyễn Văn T giao nộp, là số tiền do Nguyễn Văn T trộm cắp của anh Huỳnh Ngọc T1 chưa tiêu xài hết, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã trả lại cho anh Huỳnh Ngọc T1 theo quy định. Do vậy, Hội đồng xét xử không đề cập.

-Đối với chiếc điện thoại di động Iphone 11 Promax sau khi Nguyễn Văn T bán cho anh Nguyễn Quốc T3 thì anh T3 đã bán cho người khác (không rõ nhân thân, lai lịch) nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ không thu giữ được. Do vậy, Hội đồng xét xử không đề cập.

-Đối với chiếc túi vải rằn ri của anh Huỳnh Ngọc T1, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được. Do vậy, Hội đồng xét xử không đề cập.

[6]. Về các vấn đề khác:

Đối với anh Nguyễn Văn Q và anh Nguyễn Quốc T3 là người mua tài sản của Nguyễn Văn T nhưng anh Q và anh T3 không biết tài sản đó là do T trộm cắp nên không có căn cứ để xử lý.

[7]. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng điểm điểm b, g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 03 (Ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (ngày 30-7-2023).

2. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự,

-Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 xe mô tô nhãn hiệu JAMOTO; màu sơn Xanh; số máy: FMH35A1A5494; số khung: H3PD5A0A5494, biển số 47L4-6795; 01 giấy đăng ký xe mô tô nhãn hiệu JAMOTO biển số 47L4-6795 mang tên Lê Văn T4;

-Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T: 01 điện thoại Samsung Galaxy A22 số Imei 1: 358475773093192, số Imei 2: 359111893093197; 01 sim số điện thoại 0964706530; 01 chứng minh nhân dân số 291035166 mang tên Nguyễn Văn T; 01 giấy phép lái xe số 660096810457 mang tên Nguyễn Văn T; 01 dây sạc điện thoại màu trắng dài 1m; 01 dây sạc điện thoại màu đen, một đầu có in dòng chữ Earldom; 01 củ sạc màu trắng, có in dòng chữ R, có kích thước (5cm x 4cm); 01 dây sạc điện thoại màu đen dài 80cm; 01 củ sạc màu đen, có in dòng chữ S, có kích thước (4,5cm x 3,5cm), phần chân sạc có màu trắng-đen;

-Tịch thu tiêu hủy: 01 đèn bin màu đen-vàng, có dây đeo bằng thun màu đen, đường kính đèn 5cm; 02 găng tay bằng thun màu đen, cổ găng tay có màu đỏ, dài 18cm, phần cổ găng tay rộng 6,5cm; 02 găng tay bằng thun màu tím, cổ găng tay có màu đỏ, dài 18cm, phần cổ găng tay rộng 6,5cm; 01 mũ trùm đầu màu xanh, bằng len, có kích thước (34,5cm x 19,5cm); 01 áo khoác có mũ trùm đầu màu xanh, bên trong có màu nâu; 01 tô vít có cán bằng nhựa màu vàng, có mũi màu trắng là loại mũi nhọn, dài 34,5cm, phần cán dài 13,5cm; 01 dây thun có màu đen-vàng-xanh-đỏ đan vào nhau, dài 2m, rộng 2,3cm; 2 đầu dây thun có móc sắt màu trắng; 02 tất bằng vải thun có màu xanh, có kích thước (30cm x 8cm) và 01 balo màu đen, nhãn hiệu Lilan có kích thước (50cm x 40cm).

(Đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25-01-2024 giữa Công an huyện Đ và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ).

2. Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Rmah HThuyên